TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Liên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hồ L, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Số 57 LLQ, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng.
- *Bị đơn*: Chị Trần Tố U, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Số 52/25 HHT, Phường x, thành phố Đà Lạt.
- *Người làm chứng:*
1. Bà Trần Thị Ái L, sinh năm: 1957;
Địa chỉ: Số 52/25 HHT, Phường x, thành phố Đà Lạt.
2. Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1955;
Địa chỉ: Số 57 LLQ, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2023 và lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L trình bày:*

Anh và chị U kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2013.

Tuy nhiên, từ năm 2013 sau khi kết hôn đến nay anh chị không chung sống cùng nhau. Trong quá trình là vợ chồng, không có mối quan hệ gắn kết tình cảm, không có sự chia sẻ về các vấn đề trong cuộc sống, công việc và vợ chồng, trong cuộc sống cũng thường xảy ra những mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi và không có hướng giải quyết chung.

Năm 2022 anh cũng làm đơn đề nghị ly hôn với chị U, ngày 07/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã thụ lý vụ án dân sự số 696/2022/TLST-HNGD. Ngày 06/02/2023, anh có đơn rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trên. Tuy nhiên, sau thời gian rút đơn khởi kiện, anh chị vẫn không thể giải quyết được những mâu thuẫn cũng như có "tiếng nói" chung nên anh tiếp tục có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Trần Tố U nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014. Khi ly hôn anh tự thoả thuận theo nguyện vọng của con. Nhưng trong quá trình hoà giải chị U đề nghị Tòa án giao con cho anh thì anh đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

** Bị đơn chị Trần Tố U trình bày:*

Chị cũng thừa nhận về mối quan hệ hôn nhân như anh L trình bày là đúng. Sau khi cưới thì anh L làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 chuyển về thành phố Đà Lạt.

Năm 2016 anh L chuyển về làm việc và ở tại huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian năm 2013 đến năm 2021 chị là giáo viên trường Trung học phổ thông ĐD, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng nhưng vẫn sống tại Đà Lạt và nuôi con. Trong thời gian này anh L vẫn thường xuyên ra thăm và cùng chị chăm sóc con chung.

Từ tháng 3/2021 anh L thường xuyên yêu cầu chị viết đơn ly hôn nhưng không nói rõ lý do. Tháng 4/2021, chị chuyển về giảng dạy tại Trường trung học phổ thông TP, thành phố Đà Lạt. Tháng 8/2021 chị phát hiện chồng chị có quan hệ

bất chính ở bên ngoài, đồng thời khi chị vào nhà chồng thì cả anh L và mẹ anh L đều đuổi hai mẹ con chị đi. Hiện tại chị đang sống riêng cùng con gái tại nhà bố mẹ chị ở Phường 3, thành phố Đà Lạt. Nay anh L đề nghị ly hôn thì chị không đồng ý nhưng chị cũng không có phương án để vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014, đang sống chung với chị. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì người nuôi con là anh L. Về cấp dưỡng nuôi con thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L trình bày tình cảm vợ chồng giữa anh và chị U không còn. Trước đây anh cũng làm đơn ly hôn với chị U nhưng sau đó anh rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, sau thời gian rút đơn khởi kiện anh chị vẫn không thể giải quyết được những mâu thuẫn cũng như có tiếng nói chung nên anh không thể duy trì cuộc sống chung cùng chị U và anh vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị U được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014, đang sống chung với chị U. Trong quá trình Toà án mời lên hoà giải, chị U không đồng ý nuôi con mà đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh cũng đồng ý và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang công tác tại Công an huyện LD, tỉnh Lâm Đồng, thu nhập hàng tháng hơn 13.000.000đ, anh sẽ chuyển trường cho con về huyện LD, tỉnh Lâm Đồng để tiện đưa đón, chăm sóc cho con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Tố U trình bày: Chị cũng thừa nhận tình cảm của chị đối với anh L cũng rạn nứt nhiều hơn trước. Anh L không quan tâm vợ con, thời gian anh gọi điện thoại cho người khác, chơi game còn nhiều hơn thời gian anh gọi cho con. Anh chị đã chính thức ly thân từ tháng 7/2021. Nay anh L đề nghị ly hôn thì chị không đồng ý, dù anh L không còn tình cảm với chị nhưng chị vẫn chịu đựng được, bố mẹ chị cho đất và cho tiền xây nhà vợ chồng sẽ dọn ra ở riêng để con có cả bố và mẹ, hiện nay chị cũng không có phương án để vợ chồng hàn gắn. Nay chị cũng không có chứng cứ chứng minh việc anh L có mối quan hệ bất chính bên ngoài. Về con chung: Nếu Tòa giải quyết cho anh L và chị ly hôn thì chị đề nghị giao con chung Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014 cho anh L nuôi dưỡng để anh L biết việc nuôi con là thế nào. Tuy nhiên, nếu anh L chuyển trường cho con về huyện LD, tỉnh Lâm Đồng thì chị không đồng ý và chị muốn giao con chung cho chị nuôi dưỡng và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 30% mức lương của anh L cụ thể là 4.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Về tài

sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh L. Giao con chung Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L và chị Trần Tố U có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt. Nay anh L có đơn yêu cầu được ly hôn với chị U; hiện nay bị đơn chị U sinh sống tại Phường x, thành phố Đà Lạt. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hồ L thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh L và chị U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/6/2013. Quan hệ hôn nhân giữa anh L, chị U là có trên thực tế và hai người đã có 01 con chung.

Theo anh L thì vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có mối quan hệ gắn kết tình cảm, không có sự chia sẻ về các vấn đề trong cuộc sống, công việc và vợ chồng cũng thường xảy ra những mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi không có hướng giải quyết chung.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, ... và lý do chính đáng khác".

Theo anh L thì từ năm 2013 đến nay anh và chị U không sống chung, anh ở nhà bố mẹ anh tại thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng còn chị U ở nhà bố mẹ chị U tại Phường x, thành phố Đà Lạt, thỉnh thoảng anh đến thăm con nhưng anh và chị U không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Tháng 11/2022, anh L đã làm đơn xin ly hôn với chị U nhưng sau đó anh cũng đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Ngày 06/02/2023, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 13/2023/QĐST-HNGĐ. Tuy nhiên, theo anh L thì sau thời gian rút đơn khởi kiện, vợ chồng anh chị vẫn không thể giải quyết được những mâu thuẫn cũng như có tiếng nói chung, anh cũng không muốn duy trì tình cảm vợ chồng với chị U nên anh tiếp tục làm đơn đề nghị ly hôn với chị U.

Theo chị U thì từ ngày kết hôn anh L làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015 chuyển về thành phố Đà Lạt, năm 2016 anh L chuyển về làm việc và ở tại huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian năm 2013 đến năm 2021 chị là giáo viên trường Trung học phổ thông ĐD, huyện ĐD, đến tháng 4/2021 chị chuyển về công tác tại Trường trung học phổ thông TP, thành phố Đà Lạt.

Xét thấy, anh L và chị U không sống chung với nhau do yêu cầu nghề nghiệp, khoảng cách địa lý nhưng từ năm 2021 đến nay cả anh L và chị U đều không có phương pháp vợ chồng hàn gắn tình cảm, để cùng sống chung với nhau. Nay anh L vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị U được ly hôn.

Theo lời trình bày của bà Hồ Thị H thì vợ chồng anh L và chị U cũng có mâu thuẫn, hay cãi nhau. Có thời gian chị U vào nhà bà thì vợ chồng anh L, chị U cứ cãi nhau liên tục nên bà bảo hai vợ chồng cứ cãi nhau thì ra ngoài mà ở. Chị U và con gái bỏ về nhà ngoại ở còn anh L bỏ vào đơn vị ở. Bà cũng ra nhà mẹ của chị U để hai bên tìm cách hoà giải nhưng không thành.

Theo lời trình bày của bà Trần Thị Ái L thì bà cũng không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L, chị U chỉ đến lúc bà Hoa ra nhà gặp bà thì bà mới biết. Chị U cũng có nói với bà, lúc ở trong nhà mẹ anh L thì mẹ anh L và anh L nấu ăn riêng còn chị U nấu thì gia đình không ăn cùng nhau. Hiện chị U cùng con gái ở chung nhà với bà tại Phường x, thành phố Đà Lạt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì chị U không đồng ý ly hôn với anh L nhưng trong suốt quá trình sống ly thân thì chị U cũng không có giải pháp gì để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm. Mặt khác, chị U cho rằng anh L có mối quan hệ bất chính bên ngoài nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị U cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Theo biên bản xác minh ngày 30/6/2023 (Bút lục số 19) thì: Tổ trưởng tổ dân phố cho biết: Mâu thuẫn hôn nhân của anh L và chị U thì tổ dân phố và chính quyền địa phương không biết và cũng không nắm được vì vợ chồng anh L, chị U không báo gì với tổ dân phố. Trên thực tế chị U cũng không sinh sống tại thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng. Về cách nuôi dạy con chung: Các bên đều chăm sóc, nuôi dạy con chung tốt, hiện nay chị U và con chung không còn sinh sống tại thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng.

Theo biên bản xác minh ngày 03/7/2023 (Bút lục số 20) tại Uỷ ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt: Mâu thuẫn hôn nhân của anh L và chị U không báo lên Uỷ ban và cũng không yêu cầu Uỷ ban tiến hành hoà giải nên Uỷ ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt không biết và cũng không tiến hành hoà giải mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị U. Về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng anh L, chị U thì Uỷ ban nhân dân Phường x, thành phố Đà Lạt không nắm rõ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị U đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không có, do đó anh L yêu cầu được ly hôn với chị U là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Anh L và chị U xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014.

Xét nguyện vọng của cháu Ng thì: Theo bản tự khai của con chung Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014 (Bút lục số 23) thì: hiện cháu đang học lớp 4 Trường tiểu học LQĐ, thành phố Đà Lạt. Trường hợp ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Trong quá trình hoà giải chị U yêu cầu giao con chung cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay chị U yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên thì anh L cũng đồng ý.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp và buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng cho đến khi con thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2023.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh L và chị U đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để tuyên xử theo hướng nhận định nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011699 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh L còn phải nộp 300.000đ án phí còn thiếu

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, 55, 56, 57, 58, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L về việc *"Tranh chấp ly hôn"* với đối với bị đơn chị Trần Tố U. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L và bị đơn chị Trần Tố U được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2014 cho chị Trần Tố U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; Quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Buộc anh Nguyễn Hồ L cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồ L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011699 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Anh L còn phải nộp 300.000đ án phí còn thiếu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- UBND P.x, Tp Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Dương Thị Liên